TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH** Bản án số:37/2018/HNGĐ-ST Ngày: 20-9-2018 V/v Tranh chấp Hôn nhân gia đình (O - T)	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Tăng

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Lại Đức Lợi

2. Bà Phùng Thị Thanh Mai

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Hoài Thanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa:* Bà Bùi Thị Thúy Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 29/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 về "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 38/2018/QĐXX-ST ngày 05/9/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích O – sinh năm 1976

HKTT: Tổ x phường P, thành phố T1, tỉnh Thái Bình

Hiện đang trú tại: Số nhà abc, đường N, tổ x phường P, thành phố T1, tỉnh Thái Bình

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T – sinh năm 1972

HKTT: Tổ x phường P, thành phố T1, tỉnh Thái Bình

Hiện đang lao động tại: TH – AVENUE – LANGLEY – B.C – V2Z 1 K9 – VANCOUVER – CANADA

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án: Chị Nguyễn Thị M – sinh năm 1969

HKTT: Thôn L , xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình

(Chị O có mặt tại phiên tòa, anh T, chị M có đơn xin giải quyết, xét xử vắng mặt tại tòa án)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/3/2018, tại bản tự khai, tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Bích O trình bày:*

Chị và anh Nguyễn Văn T sau một thời gian tự nguyện tìm hiểu đã đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T1, tỉnh Thái Bình vào ngày 29/10/2001. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc. Đến năm 2007 hai vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng không hiểu và chia sẻ cho nhau. Năm 2008 anh T sau khi đi làm việc ở Canada thì không liên lạc gì về gia đình, không hỏi han hay chu cấp gì cho con cái. Từ khi anh T đi lao động tại Canada anh chưa về Việt Nam lần nào, đã nhiều lần chị động viên anh T về Việt Nam sinh sống để hai vợ chồng cùng nhau nuôi dạy con cái nhưng anh T không đồng ý vì điều kiện sống của anh ở Canada tốt hơn. Hai vợ chồng sống xa nhau, không ai quan tâm chăm sóc đến ai, kinh tế hai vợ chồng đều riêng biệt. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được chị đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T để mỗi người tự xây dựng cuộc sống mới.

Về con chung: Hai vợ chồng chị sinh được 02 con chung là Nguyễn Tuấn T2, sinh ngày 13/4/2003 và Nguyễn Tiến D, sinh ngày 31/5/2007. Hiện nay các con đang ở cùng chị. Tại đơn khởi kiện chị O có nguyện vọng khi ly hôn chị xin nhận nuôi cháu Nguyễn Tiến D, anh T có trách nhiệm nuôi cháu Nguyễn Tuấn T2, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Tuy nhiên trong bản tự khai và tại phiên tòa sơ thẩm, chị O trình bày do hoàn cảnh hiện tại của chị khó khăn, công việc của chị là giáo viên hợp đồng với mức lương 2.500.000 đồng/tháng, chị không đủ khả năng nuôi con. Sắp tới chị O có ý định đi làm ở xa, anh T đang ở nước ngoài nhưng có điều kiện nuôi con tốt hơn chị, các con cũng có nguyện vọng xin được ở với bố, ly hôn chị xin được nhường cả hai con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị không góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T.

Về tài sản: Hai vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

** Tại Bản tự khai, giấy ủy quyền, đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt tại Tòa án, bị đơn – anh Nguyễn Văn T trình bày:*

Anh đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án ly hôn giữa anh và chị Nguyễn Thị Bích O

Anh và chị Nguyễn Thị Bích O đã tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T1, tỉnh Thái Bình ngày 29/10/2001. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại phường P, thành phố T1, tỉnh Thái Bình. Trong

quá trình chung sống, hai vợ chồng không có mâu thuẫn gì, cuộc sống chung hạnh phúc. Năm 2008, anh đi lao động ở Canada, đến nay đã được gần 10 năm. Do điều kiện công việc, anh không về thăm gia đình, vợ con ở Việt Nam được, nhưng chị O không hiểu và thông cảm cho anh dẫn đến việc vợ chồng thường mâu thuẫn, hiểu lầm nhau. Để tránh làm căng thẳng quan hệ vợ chồng nên anh ít liên lạc với chị O. Chị O cũng không chủ động liên lạc với anh. Từ nhiều năm nay, hai vợ chồng không quan tâm, hỏi han, chăm sóc đến cuộc sống thường ngày của nhau. Anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh đồng ý ly hôn với chị O.

Về con chung: Anh và chị O có hai con chung là Nguyễn Tuấn T2, sinh ngày 13/4/2003 và Nguyễn Tiến D, sinh ngày 31/5/2007. Sau khi ly hôn, anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả hai con chung, không yêu cầu chị O cấp dưỡng nuôi con chung. Anh ủy quyền cho chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1969, địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình (là chị gái anh) thay anh chăm sóc cháu Nguyễn Tuấn T2 và cháu Nguyễn Tiến D trong thời gian anh đi lao động xa nhà. Việc cấp dưỡng nuôi con giữa anh và chị M do hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh cũng ủy quyền cho chị M thay anh giao, nhận các văn bản của Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án ly hôn giữa anh và chị O.

Về tài sản chung: Anh T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về quan hệ tài sản.

Do anh đang làm ăn sinh sống tại Canada, công việc đi lại khó khăn, anh đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt anh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị là chị gái của bị đơn anh Nguyễn Văn T, hiện tại anh T đang đi lao động tại Canada. Anh T có văn bản ủy quyền cho chị thay anh nuôi hai cháu Nguyễn Tuấn T2, sinh ngày 13/4/2003 và Nguyễn Tiến D, sinh ngày 31/5/2007 trong thời gian anh đi lao động xa nhà và ủy quyền cho chị trong việc giao, nhận giấy tờ tại Tòa án. Chị chấp nhận mọi sự ủy quyền của anh T, mọi vấn đề liên quan đến việc cấp dưỡng hai cháu do chị và anh T tự thoải thuận. Do điều kiện công việc của chị bận mải, chị đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt chị.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, phát biểu:

Về tố tụng: Thẩm phán, thư ký, Hội đồng xét xử tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, các đương sự chấp hành quy định của pháp luật.

Về nội dung: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị O và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điều 56 Luật hôn nhân và gia đình xử cho chị O được ly hôn anh T. Chị O, anh T đều thống nhất giao 02 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Chị O chưa phải góp cấp dưỡng nuôi

con chung cùng anh T. Chấp nhận sự ủy quyền giữa anh T và chị M về việc giao hai con chung Nguyễn Tuấn T2 và Nguyễn Tiến D cho chị M nuôi dưỡng trong thời gian anh T lao động ở nước ngoài.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu tòa án giải quyết vì vậy không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn, bị đơn đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường P, thành phố T1, tỉnh Thái Bình, hiện anh T đang sinh sống làm việc tại Canada, vì vậy đây là vụ án tranh chấp hôn nhân gia đình có đương sự ở nước ngoài thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Anh T, chị M đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng và các đương sự đã có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc giải quyết vụ án, có đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa sơ thẩm. Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh T, chị M.

[3] *Về quan hệ hôn nhân:* Chị O, anh T đã tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường P, thành phố T1, tỉnh Thái Bình ngày 29/10/2001 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến năm 2008, anh T đi lao động ở Canada, do điều kiện công việc, anh không về thăm gia đình, vợ con ở Việt Nam được. Chị O muốn anh T trở về Việt Nam sinh sống nhưng anh T không đồng ý. Từ đó hai vợ chồng không thường xuyên liên lạc, không quan tâm chăm sóc lẫn nhau, dẫn đến tình cảm vợ chồng phai nhạt dần, kinh tế hai vợ chồng hoàn toán tách biệt. Như vậy mâu thuẫn vợ chồng giữa chị O và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, cần xử cho chị O và anh T được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] *Về quan hệ con chung:* Chị O và anh T có hai con chung là Nguyễn Tuấn T2, sinh ngày 13/4/2003 và Nguyễn Tiến D, sinh ngày 31/5/2007, hiện đang sinh sống cùng chị O. Ly hôn chị O, anh T thỏa thuận giao 2 con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, chị O không góp cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh T. HĐXX xét thấy, chị O hiện đang trực tiếp sinh sống tại Việt Nam, tuy nhiên chị là giáo viên hợp đồng dạy môn tin học tại Trường tiểu học K, thành phố Thái Bình với mức thu nhập 2.500.000 đồng/tháng, không đủ khả năng để nuôi con. Chị O cũng

trình bày chị có ý định chuyển đổi công việc đi làm xa để cải thiện cuộc sống nên không có thời gian chăm sóc con. Hiện tại anh T đang sinh sống tại Canada, anh có điều kiện sống tốt hơn, có khả năng chu cấp nuôi dưỡng cho 2 con ăn học. Anh T có văn bản ủy quyền cho chị gái anh T là chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1969, địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình thay anh chăm sóc cháu Nguyễn Tuấn T2 và cháu Nguyễn Tiến Dương trong thời gian anh đi lao động xa nhà. Hai con của chị O, anh T cũng có đơn xin được ở với bố. Xét thấy đây là sự tự nguyện của các đương sự, không trái với các quy định của pháp luật cần chấp nhận.

[5] *Về quan hệ tài sản:* Chị O, anh T không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản, nên không đặt ra giải quyết.

[6] *Về án phí*: Chị O phải chịu toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

[7] *Về quyền kháng cáo*: Chị O, anh T, chị M được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tại Điều 273 và khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56; Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; khoản 1, khoản 2 Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 6, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Nguyễn Thị Bích O và anh Nguyễn Văn T.

2. Về quan hệ con chung: Giao 02 con chung Nguyễn Tuấn T2, sinh ngày 13/4/2003 và Nguyễn Tiến D, sinh ngày 31/5/2007 cho anh Nguyễn Văn T được trực tiếp nuôi dưỡng từ tháng 9/2018. Chị O chưa phải góp cấp dưỡng nuôi con chung.

Chấp nhận việc ủy quyền của anh T cho chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1969, địa chỉ: Thôn L, xã Đ, huyện H, tỉnh Thái Bình thay anh chăm sóc cháu Nguyễn Tuấn T2 và cháu Nguyễn Tiến Dương trong thời gian anh đi lao động tại Canada cho tới khi anh Trung về Việt Nam trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung.

Các bên có quyền đi lại thăm nom con chung, có quyền xin thay đổi quyền nuôi con chung; đề nghị cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định pháp luật.

3. Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết về phần tài sản, nên không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Bích O phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị O đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình tại biên lai thu số số 0008787ngày 24/4/2018 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình sang thi hành án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Anh T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật. Chị M được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Chị O được quyền kháng cáo bản án trong thời han 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Cục thi hành án dân sự tỉnh Thái Bình;
- UBND p.P, t.p T1;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu HCTP (3).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(ĐÃ KÝ)

Đỗ Mạnh Tăng